

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với 09 người nộp thuế thuộc đối tượng được xóa nợ theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ quy định Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định hồ sơ và trình tự, thủ tục xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Định tại các Văn bản: số 1091/CTBDI-QLN, số 1092/TTr-CTBDI-QLN ngày 06/4/2023;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với 09 người nộp thuế còn nợ trước ngày 01/7/2020 với tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp là: 4.807.808.760 đồng (*Viết bằng chữ: Bốn tỷ, tám trăm lẻ bảy triệu, tám trăm lẻ tám nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng*), trong đó:

- Số doanh nghiệp, tổ chức là: 09 người nộp thuế với tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp là: 4.807.808.760 đồng;

- Số cá nhân, cá nhân kinh doanh, hộ gia đình, hộ kinh doanh là: 0 người nộp thuế với tổng số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp là: 0 đồng;

(Danh sách người nộp thuế được xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp theo phụ lục chi tiết kèm theo).

Lý do xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp: Người nộp thuế đã bị cơ quan quản lý thuế có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh/giấy phép thành lập và hoạt động/giấy phép hành nghề thuộc đối tượng được xóa nợ quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14.

Cục trưởng Cục Thuế tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin của hồ sơ xóa nợ.

Điều 2. Căn cứ vào số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ nêu tại Điều 1 trên đây, Cục Thuế tỉnh chỉ đạo đơn vị trực thuộc điều chỉnh số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp của người nộp thuế theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chi cục trưởng Chi cục Thuế thành phố Quy Nhơn; người nộp thuế có tên trong danh sách tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục Thuế;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- CCT TP Quy Nhơn;
- Website Cục Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, K17.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

DANH SÁCH NGƯỜI NỘP THUẾ ĐƯỢC XÓA NỢ TIỀN PHẠT CHẬM NỘP, TIỀN CHẬM NỘP

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên người nộp thuế	Mã số thuế	Địa chỉ kinh doanh				Họ và tên	Số giấy tờ cá nhân	Ngày, tháng, năm cấp giấy tờ cá nhân	Cơ quan cấp giấy tờ cá nhân	Tổng số tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa nợ	Trong đó (Tiểu mục):								
												4272	4917	4918	4927	4931	4943	4944	4943 (CCT QN)	4944 (CCT QN)
1	2	3	4				5	6	7	8	9=10+...+18	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Doanh nghiệp, tổ chức	09									4.807.808.760	30.998.270	6.733.840	79.791.274	963.695	2.714.745.596	1.375.098.863	27.832.787	503.160.661	68.483.774
1	Công ty TNHH sản xuất & Thương mại Gia Đạt	4101132458	Số 838 Trần Hưng Đạo	P. Đống Đa	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Phan Đình Phùng	211366151	26/04/2005	CA Bình Định	1.153.797.006	3.743.140		16.119.692		1.133.397.174		537.000		
2	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Mỹ	4100906451	Số 23 Đội Cấn	P. Ghềnh Ráng	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Lê Hoàng Trung	211604903	01/01/1980	CA Bình Định	653.656.004	23.519.726		27.453.261		307.302.335	294.138.082	1.242.600		
3	Công ty TNHH Thiên Ý	4100633966	Số 133 Phan Đình Phùng	P. Thị Nại	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Phan Thạch Bảo Quyền	211853336	24/12/2001	CA Bình Định	60.379.171	647.774	6.672.465				52.103.582	955.350		
4	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tiến Phát	4100716637	Số 04 Hải Thượng Lãn Ông	P. Trần Phú	TP. Quy Nhơn	Bình Định	Nguyễn Gia Tiến	215439157	22/09/1983	CA Bình Định	894.776.178	1.278.900	61.375	19.836.265		646.916.682	224.894.056	1.788.900		
5	Doanh Nghiệp TN Xí Nghiệp Xây Dựng Duy Tân	4100451074	Tổ 4 KV 2	Phường Nhơn Bình	Thành phố Quy Nhơn	Bình Định	Nguyễn Văn Tân	210261081	03/02/2004	CA Bình Định	743.168.928	1.808.730				246.840.060	461.304.813	2.502.300	9.374.784	21.338.241
6	Công ty TNHH Diệp Phương	4100402528	Tổ 10, KV 7	P. Bùi Thị Xuân	Tp. Quy Nhơn	Bình Định	Phạm Khắc Siêu	210910713	13/03/2007	CA Bình Định	583.829.705					28.028.993	8.482.002	6.387.300	493.785.877	47.145.533
7	Công ty TNHH Thương mại Việt Bình	4100716605	Số 29B đường 1/5	P. Đống Đa	Tp. Quy Nhơn	Bình Định	Phạm Viết Bình	211516447	01/01/1980	CA Bình Định	184.490.593					88.515.081	93.929.962	2.045.550		
8	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Đại Nghĩa	4100354049	Tổ 47, KV 5	P. Quang Trung	Tp. Quy Nhơn	Bình Định	Phạm Minh Huy	210532941	11/06/2014	CA Bình Định	450.776.939			16.382.056	963.695	205.290.606	221.035.995	7.104.587		
9	Công Ty TNHH An Phú Quý	4100708749	Số 179 Đống Đa	P. Thị Nại	Tp. Quy Nhơn	Bình Định	Lê Minh Ngợi	211173358	01/01/1980	CA Bình Định	82.934.236					58.454.665	19.210.371	5.269.200		